TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TỨ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2018/HS-ST
Ngày: 19-7-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Đình Đồng.

Ông Nguyễn Thanh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Văn Việt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Vũ Hoàng Ninh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 36/2018/TLST-HS ngày 22 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2018/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 7 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Ngọc Q** - sinh năm 1996 tại huyện TK, tỉnh Hải Dương; nơi cư trú: Thôn ĐA, xã ĐK, huyện T K, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H và bà Phùng Thị S; tiền án, tiền sự: Không, nhân thân: tốt; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/4/2018 đến ngày 07/4/2018. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày 22/6/2018. Có mặt.

2. **Nguyễn Đình M** - sinh năm 1990 tại huyện TK, tỉnh Hải Dương; nơi cư trú: Thôn Th H, xã BL, huyện TK, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình C và bà Đoàn Thị Th, có vợ và 01 con; tiền án, tiền sự: Không, nhân thân: tốt; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/4/2018 đến ngày 06/4/2018. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày 22/6/2018. Có mặt.

3. Nguyễn Tá T - sinh năm 1991 tại huyện TK, tỉnh Hải Dương; nơi cư

trú: Thôn Đ Ph, xã BL, huyện TK, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tá B và bà Nguyễn Thị T; tiền án, tiền sự: Không, nhân thân: tốt; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày 22/6/2018. Có mặt.

4. Lê Đại Ngh - sinh năm 1982 tại huyện TK, tỉnh Hải Dương; nơi cư trú: Thôn Th H, xã B L, huyện TK, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Thanh T và bà Trịnh Thị Nh, có vợ và 02 con; tiền án, tiền sự: Không, nhân thân: tốt; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/4/2018 đến ngày 06/4/2018. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày 22/6/2018. Có mặt.

5. Vũ Công Th - sinh năm 1989 tại huyện GL, tỉnh Hải Dương; nơi cư trú: Thôn Đ Đ, xã Th K, huyện G L, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Công Đ và bà Phạm Thị Y; tiền án, tiền sự: Không, nhân thân: tốt; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/4/2018 đến ngày 07/4/2018. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày 22/6/2018. Có mặt.

6. Ngô Văn D1 - sinh năm 1970 tại huyện TK, tỉnh Hải Dương; nơi cư trú: Thôn ĐTr, xã Đ H, huyện TK, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn D (đã chết) và bà Nguyễn Thị K (đã chết), có vợ và 03 con; tiền án, tiền sự: Không, nhân thân: tốt; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/4/2018 đến ngày 06/4/2018. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày 22/6/2018. Có mặt.

7. Nguyễn Văn T1 - sinh năm 1996 tại huyện TK, tỉnh Hải Dương; nơi cư trú: Thôn Ngh X, xã Đ Đ, huyện T K, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị Ng, có vợ và chưa có con; tiền án, tiền sự: Không, nhân thân: tốt; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày 22/6/2018. Có mặt.

8**. Nguyễn Văn Đ** - sinh năm 1985 tại huyện TK, tỉnh Hải Dương; nơi cư trú: Thôn Ngh X, xã Đ Đ, huyện TK, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Ngh; tiền án, tiền sự: Không, nhân thân: tốt; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày 22/6/2018. Có mặt.

9. Bùi Văn D - sinh năm 1983 tại huyện ĐTr, tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú: Thôn Nh T, xã Q Khải, huyện TK, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn Q và bà Mạc Thị Th, có vợ và 02 con; tiền án, tiền sự: Không, nhân thân: tốt; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày 22/6/2018. Có mặt.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Công ty TNHH Giầy C Việt Nam

Địa chỉ: thôn LD, xã H Đ, huyện T K, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện hợp pháp: Anh Nguyễn Trường V - sinh năm 1976. Chức vụ: Tổng vụ quản lý Công ty TNHH Giầy C Việt Nam là người đại diện theo ủy quyền. Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Ngọc Q, Nguyễn Tá T, Nguyễn Đình M, Lê Đại Ngh, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn Đ, Bùi Văn D, Ngô Văn D1 và Vũ Công Th đều là công nhân làm việc tại công ty TNHH Giầy C Việt Nam, địa chỉ: Thôn L D, xã HĐ, huyện TK, tỉnh Hải Dương. Khoảng 15 giờ 45 phút, ngày 04/4/2018 Q, M, T1 và một số người khác có mặt tại nhà vệ sinh của công ty, tại đây có người rủ đánh bạc được thua bằng tiền với hình thức đánh xóc đĩa. Q vào xưởng lấy 01 bát con loại bát cách nhiệt, 01 đĩa sứ (đây là đồ dùng của Q mang đi để ăn cơm) và 01 chiếc kéo. Khi ra đến nhà vệ sinh, Quân đưa cho T chiếc kéo, T cắt 04 quân vị hình tròn từ quân bài Tú - lơ - khơ có một mặt màu trắng, một mặt màu xanh để làm dụng cụ đánh bạc.

Cách thức chơi như sau: Người cầm cái cho 04 quân vị vào đĩa sứ rồi úp bát lên, sau đó xóc. Người chơi đặt tiền cửa chẵn hoặc lẻ theo sự suy đoán của mình, thấp nhất là 10.000đ/ván, cao nhất 50.000 đồng. Khi mở bát ra nếu có 2 hoặc 4 quân vị cùng màu xanh hoặc trắng là chẵn, có 1 hoặc 3 quân vị màu xanh hoặc trắng là lẻ. Nếu mở bát ra là chẵn thì người đặt cửa chẵn được số tiền bằng với số tiền của mình đã đặt, người đặt cửa lẻ sẽ bị mất số tiền mình đã đặt và ngược lại. Người cầm cái lấy tiền của người thua trả cho người thắng, nếu thừa thì được hưởng còn nếu thiếu thì phải bù bằng tiền của mình. Khi bắt đầu đánh bạc, Minh là người xóc cái cùng chơi có Q, T, sau đó có Ngh, T1, Đ, D1, D, Th đánh bạc cùng. M xóc cái được một lúc thì chuyển cho T xóc cái khoảng 2-3 ván thì chuyển cho Q xóc cái. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày thì bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tứ Kỳ phát hiện bắt quả tang, thu giữ tại chiếu bạc số tiền 11.520.000đ và 400.000đ trong người của Vũ Công Th sử dụng để đánh bạc.

Tại bản cáo trạng số 38/CT-VKSTK ngày 21/6/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương truy tố các bị cáo Nguyễn Ngọc Q, Nguyễn Đình M, Nguyễn Tá T, Lê Đại Ngh, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn Đ, Bùi Văn D, Ngô Văn D1, Vũ Công Th về tội Đánh bạc, quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo khai như sau: Do có nhu cầu đánh bạc và để nhằm thỏa mãn việc đánh bạc của mình nên các bị cáo đã tự rủ nhau đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền. Khi đánh bạc Q có khoảng 350.000đ, M có khoảng 1.420.000đ, T có khoảng 450.000đ, Ngh có khoảng 4.500.000đ, D1 có khoảng 250.000đ, Th có khoảng 200.000đ, thắng 200.000đ, T1 có khoảng 150.000đ, Đ có khoảng 100.000đ, D có khoảng 10.000đ để sử dụng vào việc đánh bạc. Các bị cáo đều công nhận Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ đã truy tố là đúng và thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình, đề nghị HĐXX áp dụng mức hình phạt thấp nhất, cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Ngọc Q, Nguyễn Đình M, Nguyễn Tá T, Lê Đại Ngh, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn Đ, Bùi Văn D, Ngô Văn D1, Vũ Công Th phạm tội Đánh bạc.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s Khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật hình sự đối với tất cả các bị cáo; Áp dụng thêm Điều 38 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Q, khoản 2 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo D1; khoản 1 và 2 Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo M, T, Ngh, Điều 36 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Th, T1, Điều 35 đối với các bị cáo Đ, D1. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Q từ 09 đến 12 tháng tù được trừ 03 ngày tạm giữ, thời gian tính từ ngày bắt đi thi hành án; bị cáo Nguyễn Đình M từ 08 đến 11 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 16 đến 22 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Tá T và Lê Đại Ngh mỗi bị cáo từ 07 đến 10 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 đến 20 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; các bị cáo Nguyễn Văn T1, Ngô Văn D1 , Vũ Công Th mỗi bị cáo từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ, tính từ ngày UBND xã nơi các bị cáo cư trú nhận được bản sao bản án và QĐ thi hành án hình sự, thời gian các bị cáo tạm giữ được trừ vào thời gian cải tạo không giam giữ. Giao các bị cáo cho UBND xã nơi các bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt, khấu trừ từ 5% đến 10% thu nhập hàng tháng đối với các bị cáo T, D1, Th; đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 40.000.000đ đến 50.000.000đ, bị cáo Bùi Văn D từ 30.000.000đ đến 40.000.000đ. Về hình phạt bổ sung: đề nghị xử phạt các bị cáo Q, M, Ngh, D, Th, T1, T mỗi bị cáo từ 5.000.000đ đến 10.000.000đ. Về xử lý vật chứng: Áp

dụng khoản 1 và khoản 2 Điều 47; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy đối với 01 bát con loại bát cách nhiệt, 01 đĩa sứ, 04 quân vị hình tròn, 01 chiếc kéo, 01 tấm bìa nhựa màu xanh. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 11.920.000đ. Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Luật số 97/2015 về phí và lệ phí, Nghị Quyết số 326/2016 của UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc các bị cáo Nguyễn Ngọc Q, Nguyễn Đình M, Nguyễn Tá T, Lê Đại Ngh, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn Đ, Bùi Văn D, Ngô Văn D1, Vũ Công Th phải chịu án phí sơ thẩm hình sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và phù hợp với lời khai của những người làm chứng cũng như các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 15 giờ 45 phút, ngày 04/4/2018 tại Công ty TNHH Giầy C Việt Nam, địa chỉ tại thôn L D, xã H Đ, huyện T K, tỉnh Hải Dương. Nguyễn Ngọc Q, Nguyễn Đình M, Nguyễn Tá T, Lê Đại Ngh, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn Đ, Bùi Văn D, Ngô Văn D1, Vũ Công Th đã có hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền với hình thức xóc đĩa. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 11.920.000đ (thu tại chiếu bạc là 11.520.000đ, thu trong người bị cáo Thanh 400.000đ). Các bị cáo đánh bạc đến 16 giờ cùng ngày thì bị phát hiện bắt quả tang. Như vậy, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Đánh bạc, theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự và Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ đã truy tố các bị cáo là có căn cứ. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm trật tự công cộng, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Các bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng chỉ vì muốn có tiền sử dụng cá nhân nên các bị cáo đã cố ý thực hiện việc đánh bạc trái phép bằng hình thức đánh xóc đĩa sát phạt nhau được thua bằng tiền với số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc và có ý thức dùng vào việc đánh bạc tổng là 11.920.000đ (Mười một triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng). Vì vậy, việc xử lý các bị cáo bằng pháp luật hình sự là cần thiết nhằm giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội đạt hiệu quả.

[2] Về vị trí, vai trò của các bị cáo, HĐXX xét thấy các bị cáo có sự thống nhất ý trí cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội nhưng không có sự câu kết chặt chẽ với nhau nên chỉ là đồng phạm giản đơn. Trong vụ án này, bị cáo Nguyễn Ngọc Q là người chuẩn bị công cụ gồm bát, đĩa, kéo và là người xóc cái

đầu tiên nên bị cáo giữ vai trò thứ nhất, bị cáo Lê Đại Ngh tham gia đánh bạc từ đầu, có số tiền sử dụng vào việc đánh bạc nhiều nhất; bị cáo Nguyễn Đình M tham gia đánh bạc từ đầu, là người xóc cái, có số tiền đánh bạc nhiều; bị cáo Nguyễn Tá T là người cắt quân vị, xóc cái, tham gia đánh bạc từ đầu, do vậy các bị cáo có vị trí vai trò thứ hai. Các bị cáo Ngô Văn D1, Vũ Công Th, Nguyễn Văn T1 đều tham gia đánh bạc từ đầu, trong đó bị cáo D1 có số tiền đánh bạc khoảng 250.000đ, bị cáo Th có số tiền đánh bạc khoảng 200.000đ, bị cáo T khai có số tiền đánh bạc khoảng 150.000đ nên các bị cáo có vị trí vai trò thứ ba. Các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Bùi Văn D tham gia đánh bạc từ đầu, bị cáo Đ có số tiền tham gia đánh bạc khoảng 100.000đ, bị cáo D đánh bạc với số tiền khoảng 10.000đ nên các bị cáo có vị trí vai trò thứ tư trong vụ án.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Trong vụ án này tất cả các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên tất cả các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo Ngô Văn D1 có mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị K được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhì nên cần áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo D1.

[5] Căn cứ quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy. Các bị cáo đều là những người có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 51 của Bộ luật hình sự, không có tình tiết tăng nặng. Các bị cáo đều có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Đối với bị cáo Q là người chuẩn bị bát, đĩa, kéo, trực tiếp cầm và xóc cái đầu tiên, bị cáo có vị trí vai trò thứ nhất nên cần thiết phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc là phạt tù đối với bị cáo mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội. Đối với bị cáo M, bị cáo T, bị cáo Ngh có vị trí vai trò thứ hai nên không cần thiết phải bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù mà chỉ cần phạt tù cho hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội, như vậy phù hợp với Điều 65 của Bộ luật hình sự. Đối với các bị cáo D1, Th, T có vị trí vai trò thứ ba trong vụ án, số tiền đánh bạc không lớn nên áp dụng hình phạt Cải tạo không giam giữ và khấu trừ một phần thu nhập hàng tháng của các bị cáo trong thời gian chấp hành án để sung quỹ nhà nước, thời gian các bị cáo bị tạm giữ được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ (01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày

cải tạo không giam giữ) như vậy là phù hợp với Điều 36 của Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo Đ, D có số tiền đánh bạc ít, giữ vị trí vai trò thứ tư trong vụ án nên áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với các bị cáo. Tại phiên tòa, các bị cáo Đ, D cho rằng đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ đề nghị mức hình phạt tiền cao, các bị cáo khó có khả năng thi hành án, HĐXX xét thấy các bị cáo là công nhân có thu nhập thấp và không ổn định, bị cáo còn nuôi con nhỏ, do vậy cần xem xét mức hình phạt thấp hơn so với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, như vậy sẽ phù hợp với hoàn cảnh của các bị cáo, đúng với quy định tại Điều 35 của Bộ luật hình sự.

[7] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo phạm tội đánh bạc trái phép, sát phạt nhau được thua bằng tiền, do vậy để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật và có biện pháp giáo dục đối với các bị cáo cũng như những người khác nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo Q, M, T, Ngh, D1, Th, T1. Các bị cáo Đ, D bị áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo này.

[8] Về vật chứng: Cơ quan điều tra - Công an huyện Tứ Kỳ đã thu giữ số tiền 11.520.000đ tại chiếu bạc và 400.000đ thu trong người bị cáo Thanh, toàn bộ số tiền trên là tiền các bị cáo đã sử dụng vào việc đánh bạc và có ý thức dùng vào việc đánh bạc trái phép, tiền thu lợi bất chính từ việc đánh bạc trái phép nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước. 01 đĩa sứ, 01 bát con loại cách nhiệt, 04 quân vị hình tròn bằng quân bài tú - lơ - khơ là dụng cụ các bị cáo sử dụng để đánh bạc và không còn giá trị sử dụng, đối với 01 chiếc kéo dùng để cắt quân vị, 01 tấm bìa nhựa màu xanh là tài sản hợp pháp của công ty TNHH Giầy C Việt Nam các bị cáo lấy để phục vụ cho việc đánh bạc, nay công ty TNHH Giầy C Việt Nam không có nhu cầu lấy lại. Do vậy, cần tịch thu tiêu hủy toàn bộ những vật chứng trên. Như vậy là phù hợp với điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự, điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Ngoài ra, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Tứ Kỳ còn thu giữ của anh Lê Quang Tr số tiền 90.000đ, anh Lê Quang Đ số tiền 2.120.000đ, anh Phan Văn L số tiền 40.000đ, anh Nguyễn Văn M số tiền 1.430.000đ và số tiền 300.000đ của bị cáo D, quá trình điều tra không chứng minh được anh Tr, Đ, L, M và bị cáo D sử dụng số tiền để đánh bạc trái phép nên Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Tứ Kỳ đã trả lại tiền cho những người trên. Do vậy, HĐXX không xem xét giải quyết.

[9] Về án phí: Các bị cáo phạm tội nên phải chịu án phí sơ thẩm hình sự. Như vậy là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Đối với anh Nguyễn Quốc A, Lê Quang Tr, Nguyễn Ngọc , Nguyễn Đình H, Trần Văn Q, Chu Đức Th, Nguyễn Văn H, Phạm Văn , Nguyễn Văn M, Lê Quang Đ, Nguyễn Đình C có mặt tại nơi đánh bạc nhưng quá trình điều tra không có căn cứ xác định những người trên tham gia đánh bạc nên Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Tứ Kỳ không đặt ra xử lý, do vậy HĐXX không xem xét.

[11] Các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp, phù hợp với các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo **Nguyễn Ngọc Q, Nguyễn Đình M, Nguyễn Tá T, Lê Đại Ngh, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn Đ, Bùi Văn D, Ngô Văn D1, Vũ Công Th** phạm tội Đánh bạc.

2. Về hình phạt:

-Căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Điều 58 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Ngọc Q, Nguyễn Đình M, Lê Đại Ngh, Nguyễn Tá T. Áp dụng thêm khoản 1 và 2 Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Đình M, Lê Đại Ngh, Nguyễn Tá T.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Ngọc Q 11** (Mười một) tháng tù, được trừ 03 (ba) ngày tạm giữ. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Xử phạt bị cáo **Lê Đại Ngh 10** (Mười) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **20** (Hai mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 19/7/2018.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Đình M 10** (Mười) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **20** (Hai mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 19/7/2018.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Tá T 10** (Mười) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **20** (Hai mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 19/7/2018.

Giao các bị cáo Lê Đại Ngh, Nguyễn Đình M, Nguyễn Tá T cho Ủy ban nhân dân xã B L, huyện T K, tỉnh Hải Dương nơi các bị cáo cư trú để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

-Căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 và 2 Điều 36 và Điều 58 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Ngô

Văn D1, Vũ Công Th, Nguyễn Văn T1. Áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với Ngô Văn D1.

Xử phạt bị cáo **Ngô Văn D1 17** (Mười bảy) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 02 ngày tạm giữ, còn phải chấp hành **16** (Mười sáu) tháng **24** (Hai mươi tư) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian tính từ ngày Uỷ ban nhân dân xã ĐH, huyện TK, tỉnh Hải Dương nhận được Quyết định thi hành án hình sự và bản sao bản án. Khấu trừ 10% thu nhập của bị cáo Ngô Văn D. trong thời gian chấp hành án để sung quỹ nhà nước. Việc khấu trừ thu nhập được thực hiện hàng tháng.

Xử phạt bị cáo **Vũ Công Th 17** (Mười bảy) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 03 ngày tạm giữ, còn phải chấp hành **16** (Mười sáu) tháng **21** (Hai mươi mốt) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian tính từ ngày Uỷ ban nhân dân xã Th K, huyện G L, tỉnh Hải Dương nhận được Quyết định thi hành án hình sự và bản sao bản án. Khấu trừ 10% thu nhập của bị cáo Vũ Công Th trong thời gian chấp hành án để sung quỹ nhà nước. Việc khấu trừ thu nhập được thực hiện hàng tháng.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T1 17** (Mười bảy) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian tính từ ngày Uỷ ban nhân dân xã Đ Đ, huyện TK, tỉnh Hải Dương nhận được Quyết định thi hành án hình sự và bản sao bản án. Khấu trừ 10% thu nhập của bị cáo Nguyễn Văn T trong thời gian chấp hành án để sung quỹ nhà nước. Việc khấu trừ thu nhập được thực hiện hàng tháng.

Giao các bị cáo Ngô Văn D cho Ủy ban nhân dân xã Đ H, huyện TK, tỉnh Hải Dương, bị cáo Vũ Công Th cho Ủy ban nhân dân xã Th K, huyện G L, tỉnh Hải Dương, bị cáo Nguyễn Văn T1 cho Ủy ban nhân dân xã Đ Đ huyện TK, tỉnh Hải Dương nơi các bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt.

-Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 và Điều 58 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Bùi Văn D.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn Đ** 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

Xử phạt bị cáo **Bùi Văn D** 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

Về hình phạt bổ sung: Xử phạt các bị cáo Nguyễn Ngọc Q, Nguyễn Tá T, Lê Đại Ngh, Nguyễn Đình M mỗi bị cáo 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng), các bị cáo Ngô Văn D1, Vũ Công Th, Nguyễn Văn T1 mỗi bị cáo 10.000.000đ (Mười triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự, điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự

Xử: Tịch thu tiêu hủy 01 đĩa sứ, 01 bát con loại bát cách nhiệt, 04 quân vị

hình tròn, 01 chiếc kéo, 01 tấm bìa nhựa màu xanh.Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 11.920.000đ (Mười một triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng). (Đặc điểm vật chứng và số tiền theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tứ Kỳ và Chi cục thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ ngày 18/7/2018).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử các bị cáo Nguyễn Ngọc Q, Nguyễn Đình M, Nguyễn Tá T, Lê Đại Ngh, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn Đ, Bùi Văn D, Ngô Văn D1, Vũ Công Th mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm hình sự.

5. Về quyền kháng cáo.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm. Thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình. Thời hạn kháng cáo là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
-VKSND huyện Tứ Kỳ;
-VKSND tỉnh Hải Dương;
-CQCSĐT, CQ T.H.A HS - CA huyện Tứ Kỳ;
-Chi cục T.H.A DS huyện Tứ Kỳ;
-Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
-Các bị cáo;
-Lưu HS, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Minh Tân